

Kinh tế thế giới và Việt Nam 2025-2026 trong bối cảnh thuế quan mới của Mỹ: Cơ hội, thách thức và giải pháp đối với doanh nghiệp Việt

TS. Cần Văn Lực

*Chia sẻ tại Hội thảo: “Thuế đối ứng của Hoa Kỳ và ứng phó của doanh nghiệp Việt Nam”
do VCCI tổ chức*

Hà Nội, ngày 18/4/2025

18/4/2025

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

1

Nội dung trình bày

- 1. Kinh tế thế giới và Việt Nam 2024, dự báo 2025-2026**
- 2. Tác động của chính sách thuế quan mới của Mỹ đối với nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam**
- 3. Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam**
- 4. Giải pháp đối với doanh nghiệp.**

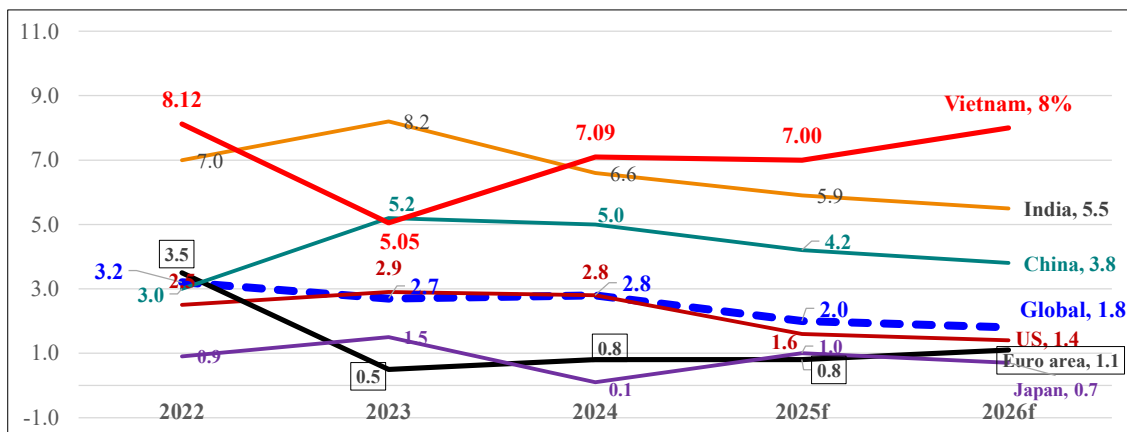
18/4/2025

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

2

1. Kinh tế thế giới và Việt Nam 2025-2026

Hình 1: Tăng trưởng kinh tế thế giới và 1 số quốc gia 2022-2026f (%, yoy)

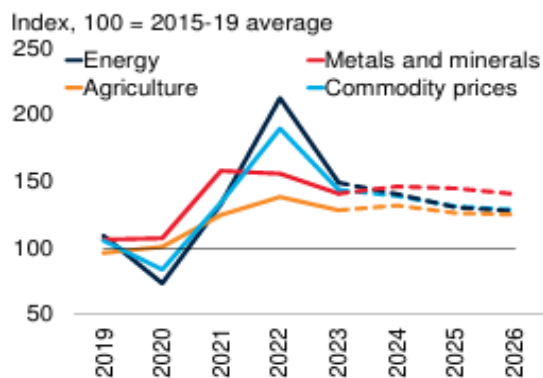


Nguồn: WB, the Conference Board (3/4/2025), BIDV Research.* Dự báo đã tính đến tác động của chính sách thuế quan của Mỹ.

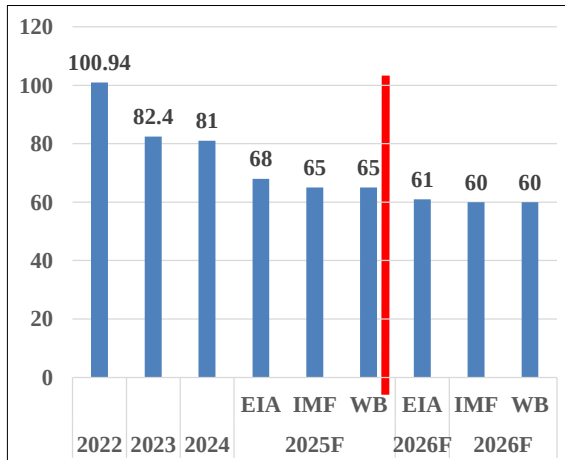
18/4/2025

H.2: Lạm phát toàn cầu giảm với giá dầu và giá hàng hóa khá ổn định và giảm trong 2025-2026

B. Commodity price projections



Nguồn: WB 2025.



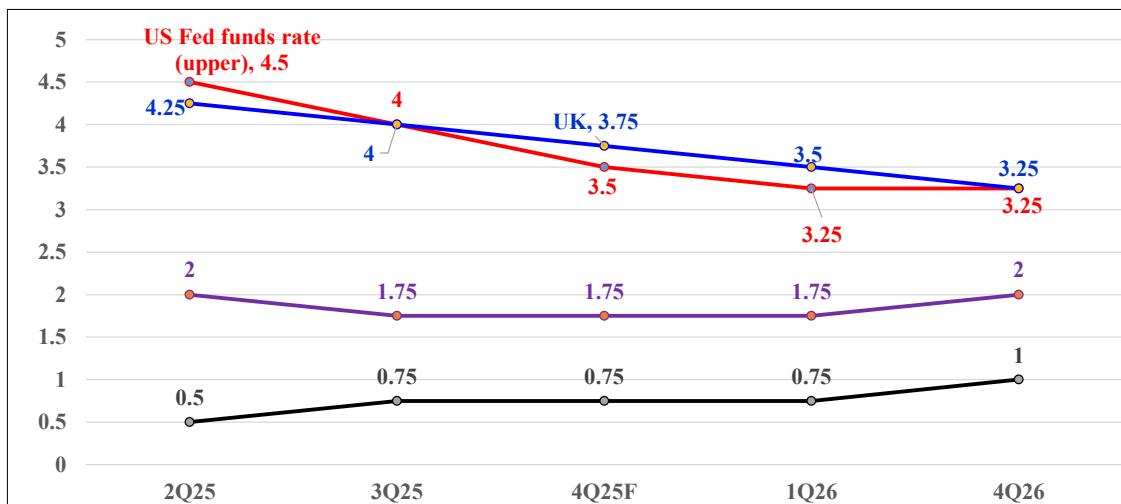
Nguồn: WB (1/2025), EIA (4/2025).

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kta.VN 2025-2026

4

H.3: Xu hướng lãi suất của các NHTW lớn 2024-2026f (%/năm)



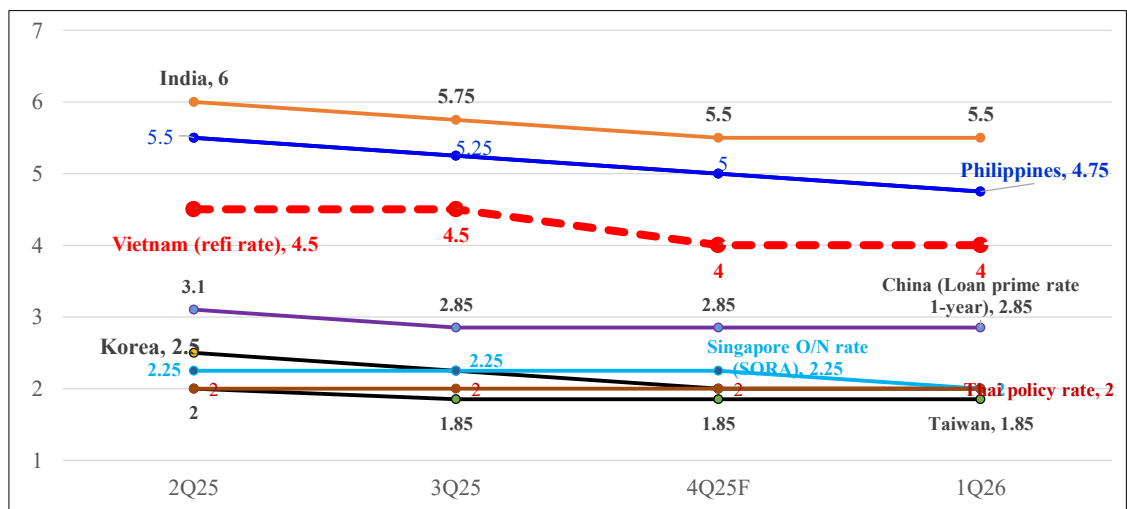
Nguồn: ING 4-2025.

18/4/2025

TS.CV Lục/Kte VN 2025-2026

5

H.4: Xu hướng lãi suất của các NHTW Châu Á 2024-2026f (%/năm)



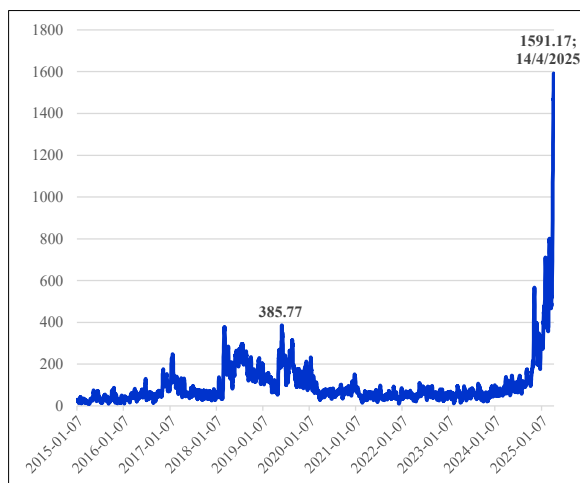
Nguồn: ING, NHNN, BIDV Research (4/2025).

18/4/2025

TS.CV Lục/Kte VN 2025-2026

6

H.5: Rủi ro chính sách thương mại gia tăng, thương mại toàn cầu chậm lại



Nguồn: <https://www.matteociacoviello.com>

	Baseline forecast (a)				Adjusted forecast (b)	
	2023	2024	2025	2026	2025	2026
World Trade %	-1.0	2.9	2.7	2.9	-0.2	2.5
Exports						
North America	3.6	2.3	2.2	2.9	-12.6	-1.2
South America °	2.4	6.2	1.4	1.2	0.6	0.9
Europe	-2.9	-1.7	1.4	2.3	1.0	2.5
CIS ¢	-4.3	2.3	4.0	-0.1	4.4	0.1
Africa	5.7	1.3	0.5	1.6	0.6	1.7
Middle East	8.1	3.7	5.2	5.0	5.3	5.1
Asia	0.2	8.0	3.3	3.3	1.6	3.5
Imports						
North America	-2.2	4.7	2.8	1.6	-9.6	-0.8
South America °	-4.4	6.7	6.0	1.0	5.0	0.5
Europe	-5.0	-2.2	2.1	2.7	1.9	2.7
CIS ¢	18.0	5.0	0.1	2.1	0.5	2.1
Africa	2.6	1.8	6.2	5.4	6.5	5.3
Middle East	9.0	15.0	6.3	6.8	6.3	6.7
Asia	-0.7	4.4	3.2	3.8	1.6	3.8

Nguồn: WTO 4-2025.

18/4/2025

TS.CV Lọc/Kte VN 2025-2026

7

Tóm tắt tình hình kinh tế thế giới 2024, dự báo 2025-2026

- **Kinh tế thế giới 2025-2026 tăng trưởng thấp hơn năm 2024 (+1,8-2% từ 2,7%), thấp hơn nhiều mức 3% giai đoạn 2011-2019); lạm phát (CPI) tăng nhẹ (3,5%); thương mại toàn cầu tăng chậm lại (+1,2% năm 2025, theo Allianz 4-2025).**
- **Lãi suất giảm chậm; đầu tư (nhất là đầu tư công) toàn cầu cho CSHT và chuyển đổi xanh, công nghệ số (AI, bán dẫn...) tăng; đẩy mạnh cải cách và tăng nội lực.../.**
- **4 rủi ro, thách thức chính năm 2025-2026:**
 - **Xung đột địa chính trị phức tạp; chiến tranh thương mại – công nghệ, phân mảnh và bảo hộ thương mại gia tăng;**
 - **Lạm phát và lãi suất dù giảm nhưng còn cao; rủi ro nợ công và nợ tư vẫn cao;**
 - **Rủi ro suy giảm, tăng trưởng thấp ở 1 số nước (Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản...), kéo theo tăng trưởng toàn cầu năm 2025-2026 ở mức thấp;**
 - **Rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh chuỗi cung ứng và an ninh mạng luôn hiện hữu; biến đổi khí hậu bất thường.**

18/4/2025

TS.CV Lọc/Kte VN 2025-2026

8

Kinh tế Việt Nam 2025-2026

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế và lạm phát của VN so với khu vực 2025-2026f (% yoy)

Tăng trưởng GDP (% , YoY)							Lạm phát (CPI bình quân; % YoY)						
	2021	2022	2023	2024e	2025f	2026f		2021	2022	2023	2024e	2025f	2026f
Developing Asia	7.4	4.3	5.5	5.0	4.9	4.7		2.6	4.4	3.4	2.6	2.3	2.2
China	8.4	3.0	5.2	5	4.7	4.3		0.9	2.0	0.2	0.2	0.4	0.7
Korea Rep.	4.6	2.7	1.4	2.0	1.5	1.9		2.5	5.1	3.6	2.3	1.9	1.9
Taiwan	6.6	2.6	1.3	4.3	3	2.4		2.0	2.9	2.5	2.2	2.1	2.2
India	9.7	7.0	9.2	6.4	6.7	6.8		5.5	6.7	5.4	4.7	4.3	4.0
Cambodia	3.1	5.1	5.0	6.0	6.1	6.2		2.9	5.3	2.1	0.8	3.7	2.4
Indonesia	3.7	5.3	5.0	5.0	5.0	5.1		1.6	4.1	3.7	2.3	2.0	2.0
Lao PDR	2.3	2.5	3.7	4.0	3.9	4.0		3.8	23.0	31.2	23.3	13.5	10.4
Malaysia	3.3	8.7	3.6	5.1	4.9	4.8		2.5	3.3	2.5	1.8	2.5	2.5
Myanmar	-5.9	2.0	0.8	-0.7	1.1	1.6		3.7	27.2	27.5	27.8	29.3	20.0
Philippines	5.7	7.6	5.5	5.6	6.0	6.1		3.9	5.8	6.0	3.2	3.0	3.0
Singapore	9.7	3.8	1.8	4.4	2.6	2.4		2.3	6.1	4.8	2.4	2.0	1.7
Thailand	1.6	2.5	1.9	2.5	2.8	2.9		1.2	6.1	1.2	0.4	1.0	1.1
Viet Nam	2.6	8.12	5.1	7.09	6.5-7	7.5-8		1.8	3.2	3.3	3.63	4-4.5	4-4.5

Nguồn: ADB (4/2025), BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kta.VN.2025-2026

9

Bảng 2: Kinh tế Việt Nam Q1/2025 và dự báo cả năm 2025 (% , yoy)

Các chỉ tiêu	Q1/2023	Q1/2024	Q1/2025	DB 6T/2025	DB 2025
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	3,46	5,98	6,93	6,7-6,9	6,5-7
CPI bình quân (% , yoy)	4,18	3,77	3,22	3-3,5	4-4,5
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	-2,6	5,9	7,8	7-9	7-9
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đ; YoY)	1,432.4 (+14,8%)	1.555,0 (+8,6%)	1.708,3 (+9,9%)	3.200-3.300 (+7-9%)	6.800-7.000 (+7-9%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	79,6 (-11,6%)	92,9 (+16,8%)	102,8 (10,6%)	205-209 (+8-10%)	430-438 (+6-8%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	74,6 (-15,4%)	85,1 (+14%)	99,7 (17,2%)	196-200 (+10-12%)	411-419 (+8-10%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	4,9	7,9	3,2	6 - 10	16 - 20
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	5,45 (-38,8%)	8,15 (+49,5%)	10,98 (+34,7%)	16-18 (+10-15%)	38-40 (+3-5%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	4,32 (-2,2%)	4,63 (+7,2%)	4,96	9,5-11 (+6-8%)	26-27 (+6-8%)
Tăng trưởng tín dụng (% , so với đầu năm)	2,56	1,42	2,5 (25/3)	6-7	14 - 15
Biến động tỷ giá (USD/VND so với đầu năm, %)	0,7	-2,15	-0.84 (11/4)	-2-→-2,5	-3-→-4

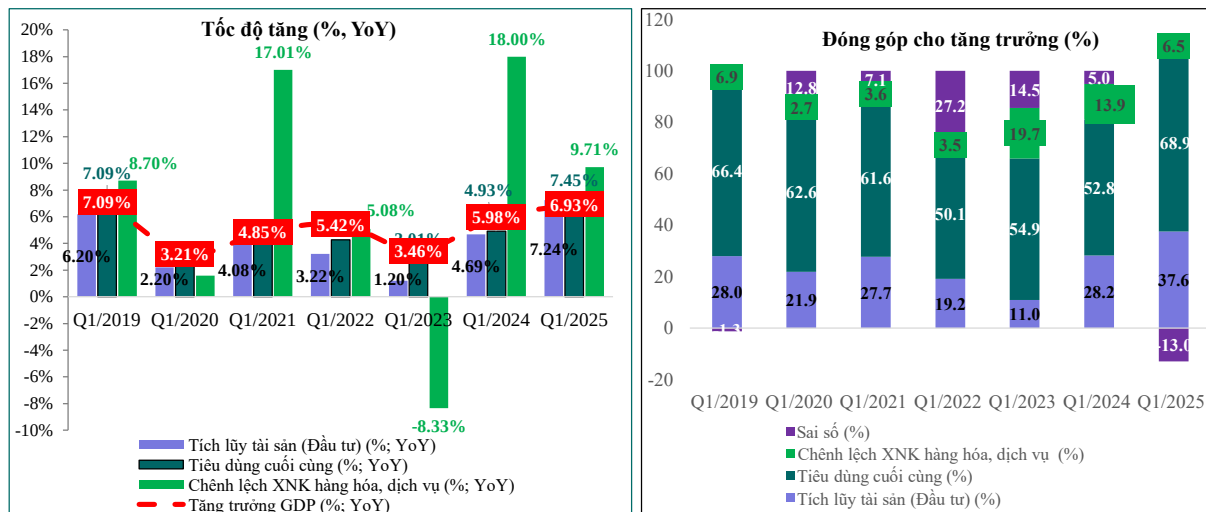
Nguồn: CTK, BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kta.VN.2025-2026

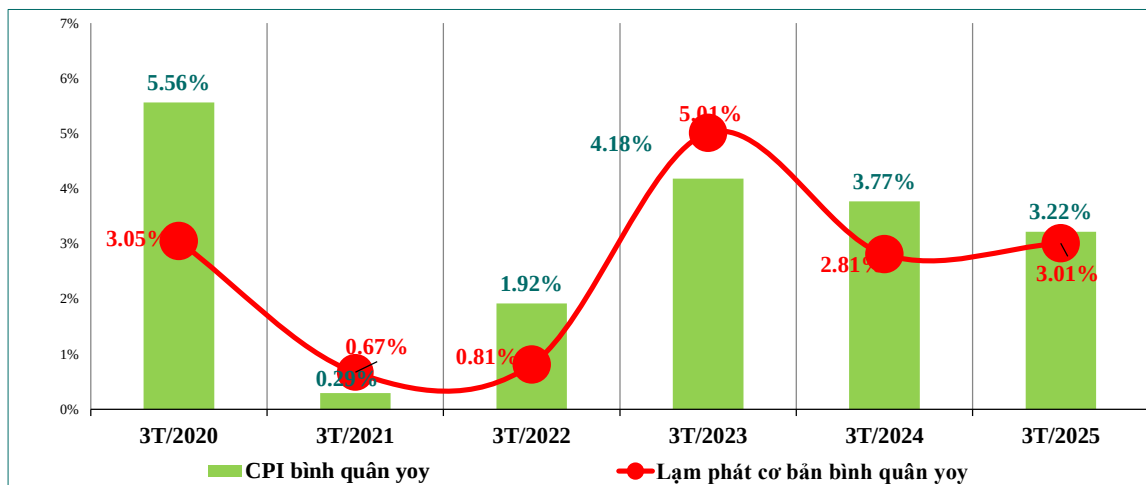
10

H.6: Tăng trưởng GDP theo phương pháp chi tiêu Q1.2019-2025 (% , yoy)



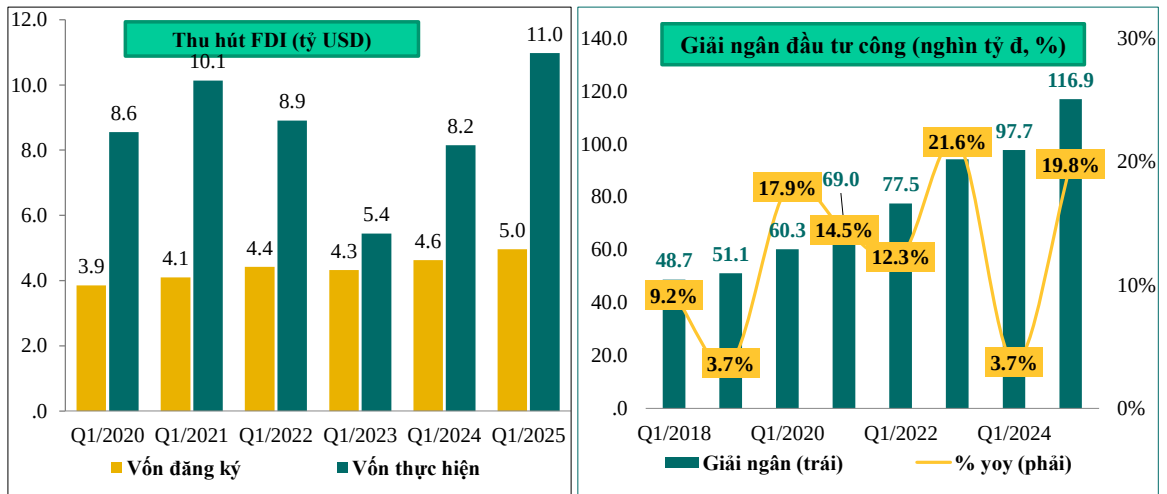
Nguồn: CTK, BIDV Research.

H.7: Lạm phát tăng trong tầm kiểm soát (% , yoy)



Nguồn: Cục TK, Viện ĐT& NC BIDV.

H.8: FDI và đầu tư công quý 1/2025



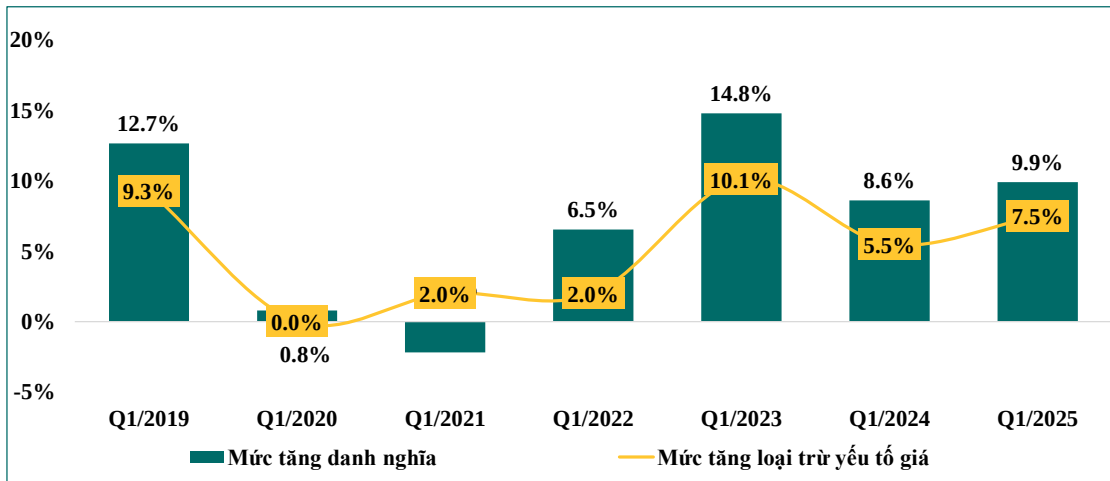
Nguồn: Cục TK, Viện ĐT& NC BIDV.

18/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

13

H.9: Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (% , so cùng kỳ)

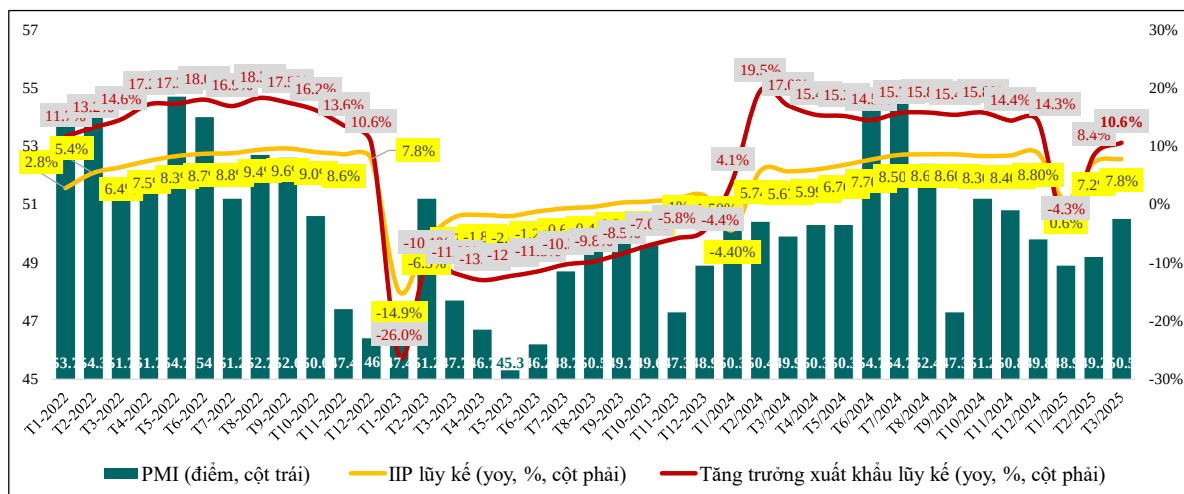


18/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

14

H.10: Xuất khẩu hàng hóa và SXCN (2022 – 3/2025)



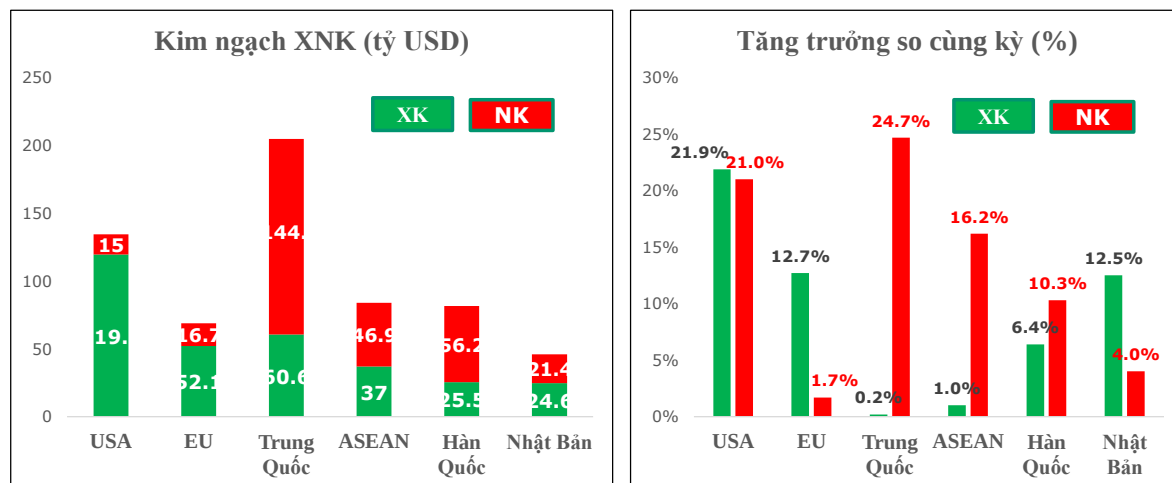
Nguồn: TCTK, Viện ĐT& NC BIDV. **Kim ngạch XK năm 2024 tăng 14,3%; NK tăng 16,7%.**

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kha.VN.2025-2026

15

H.11: XNK hàng hóa với các đối tác chính Q1.2025



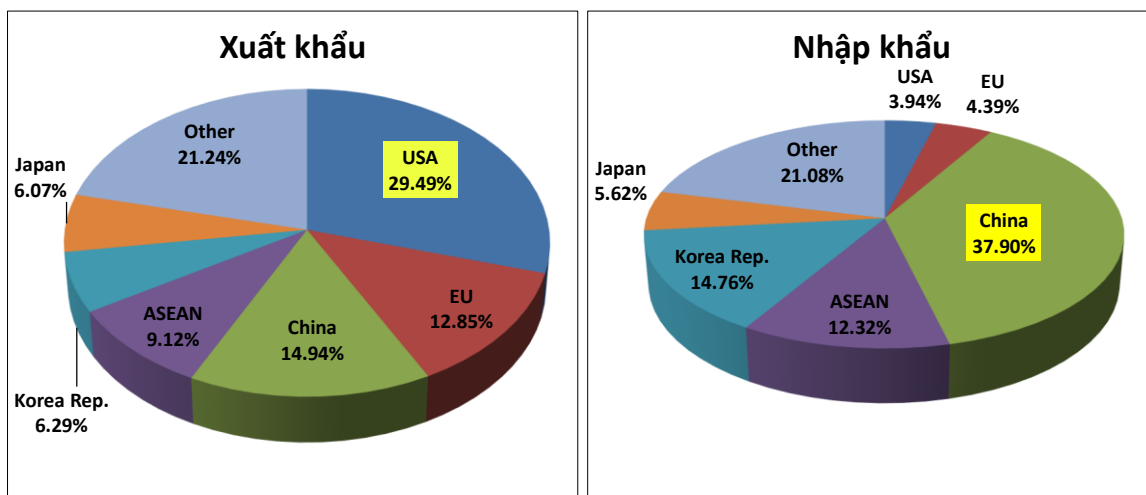
Nguồn: TCTK, Viện ĐT& NC BIDV.

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kha.VN.2025-2026

16

H.12: Đối tác thương mại hàng hóa chính của VN 2024



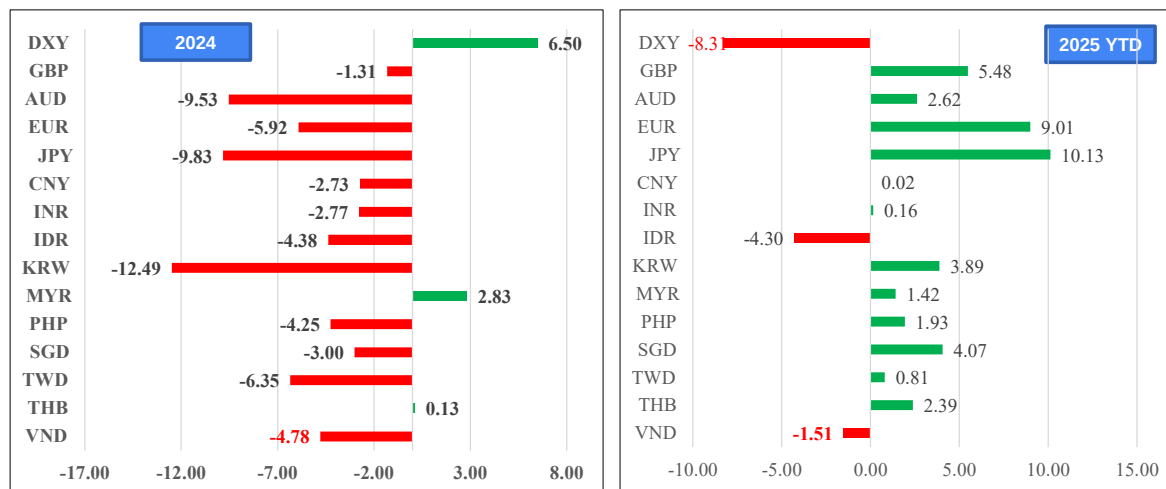
Nguồn: TCTK, BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV Lược Kê VN 2025-2026

17

H.13: Tỷ giá đồng nội tệ so với USD năm 2024–17/4/2025 (trừ DXY, %)



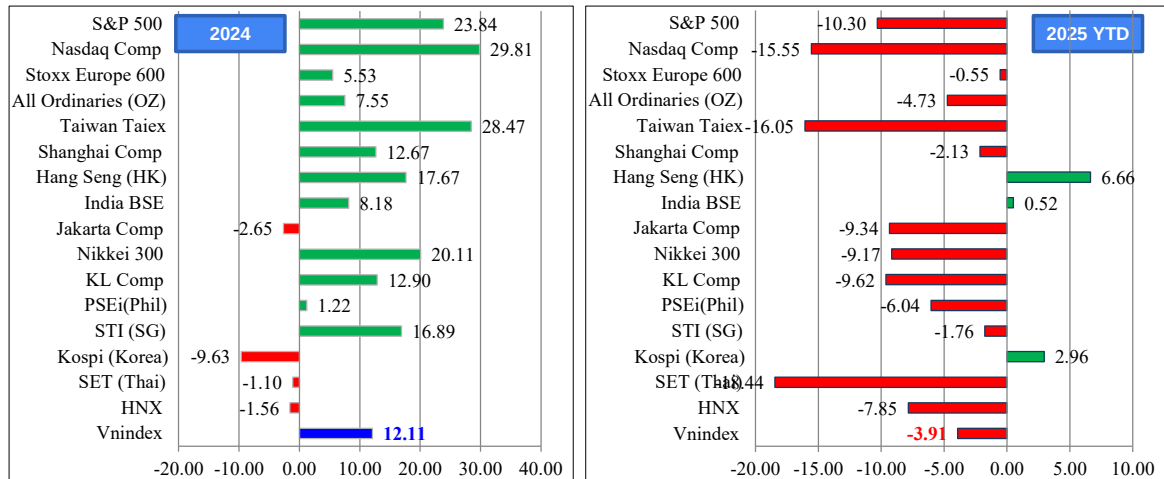
Nguồn: Bloomberg, BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV Lược Kê VN 2025-2026

18

H.14: Chỉ số TTCK năm 2024 – 17/4/2025 (%)



Nguồn: WSJ. Năm 2022: VNIndex giảm 32,8%; 2023: tăng 12,2%.

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kta.VN.2025-2026

19

Kinh tế Việt Nam 2025-2026: Rủi ro, thách thức chính

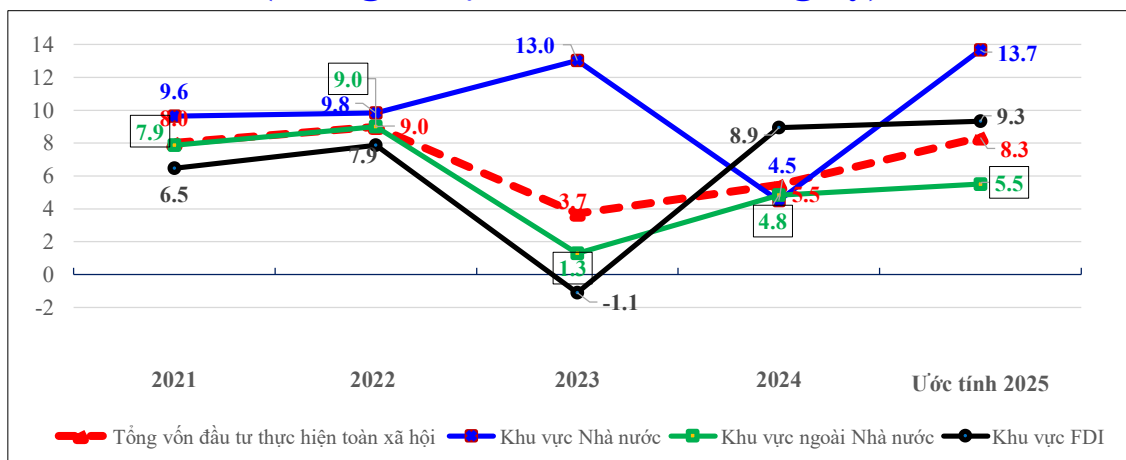
- **Rủi ro bên ngoài:** slide 8 (nhất là địa chính trị, **chiến tranh thương mại – công nghệ**, phân mảnh và bảo hộ thương mại, rủi ro an ninh mạng, biến đổi khí hậu...) → **XK, đầu tư và du lịch bị ảnh hưởng**;
- **Đầu tư tư nhân và tiêu dùng còn thấp so với trước dịch Covid-19, xuất khẩu có dấu hiệu chậm lại trong Q1.2025**
- Giải ngân đầu tư công còn chậm, không đồng đều;
- **Doanh nghiệp còn nhiều khó khăn (chiến tranh TM – công nghệ; chi phí đầu vào và logistics tăng/ở mức cao, đơn hàng thiếu bền vững và có dấu hiệu giảm; yêu cầu số hóa và xanh hóa ngày càng cao);**
- Cơ cấu lại DNNN và các TCTD yếu kém còn chậm; **tỷ giá, nợ xấu tăng** (trong tầm kiểm soát);
- Rủi ro thị trường trái phiếu DN vẫn còn và **thị trường BĐS phục hồi chậm còn, giá cao**;
- Hướng dẫn các luật mới và xây dựng thể chế cho các lĩnh vực mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng..) còn **chậm**; cách mạng về tinh gọn tổ chức – bộ máy có những khó khăn nhất định.

18/4/2025

TS.CV.Luc/Kta.VN.2025-2026

20

**H.15: Tăng trưởng đầu tư theo khu vực Quý 1/2021-2025
(theo giá hiện hành, % so cùng kỳ)**



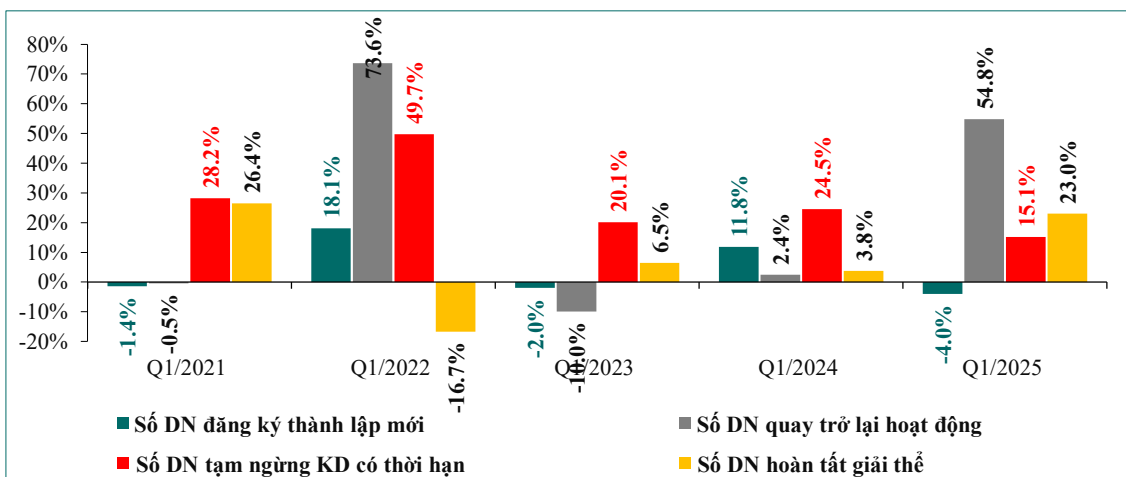
Nguồn: Cục TK, Viện ĐTNC BIDV.

18/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

21

H.16: Tình hình doanh nghiệp Quý 1/2021-2025 (% so cùng kỳ)



Nguồn: Cục TK, Viện ĐTNC BIDV.

18/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

22

2. Tác động của chính sách thuế quan mới của Mỹ

Bảng 3: Quyết sách thuế quan của TT Trump từ đầu 2025 - nay

Ngày	Chính sách thuế quan và khác	Ngày	Chính sách thuế quan và khác
1/2	Ký sắc áp thuế 25% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mexico và Canada (10% với năng lượng) (hiệu lực từ 4/3/2025); 10% với tất cả hàng hóa NK từ Trung Quốc (hiệu lực từ 4/2/2025)	6/3	Miễn trừ áp thuế 25% đối với hàng hóa NK từ Canada và Mexico đáp ứng Hiệp định USMCA.
4/2	Trung Quốc áp thuế trả đũa lên 21,2 tỷ USD hàng hóa Mỹ ở mức 10-15% , có hiệu lực từ ngày 10/2/2025.	25/3	TT Trump ký sắc lệnh áp thuế 25% đối với tất cả ô tô NK từ 2/4 (Mexico, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada và Đức chịu ảnh hưởng nhiều).
10/2	Mỹ áp thuế lên thép và nhôm ở mức 25% từ ngày 12/2/2025	2/4	TT Trump ký sắc lệnh áp thuế đối ứng gồm 2 nhóm : (i) mức thuế 10% lên toàn bộ hàng hóa NK vào Mỹ (hiệu lực từ ngày 5/4/2025); (ii) áp thuế đối ứng từ 11-50% đối với 59 quốc gia và lãnh thổ XK hàng hóa sang Mỹ, hiệu lực từ ngày 9/4/2025
13/2	Có thể áp thuế đối ứng đối với các nước từ 3/4/2025	10/4	Mỹ áp thuế 125% (145% nếu tính cả 20% hiện tại) đối với hàng hóa từ TQ, tạm hoãn 90 ngày đối với các nước khác để đàm phán .
18/2	TT Trump tuyên bố sẽ áp thuế 25% lên ô tô, được phẩm và chất bán dẫn dự kiến từ 2/4/2025 (đã được loại trừ)	11/4	TQ áp thuế 125% đối với hàng nhập từ Mỹ, hạn chế XK đất hiếm, nam châm đất hiếm...(hiệu lực 12/4)
21/2	TT Trump ký Bản ghi nhớ về thúc đẩy đầu tư nước ngoài, hạn chế đầu tư của TQ vào các lĩnh vực chiến lược của Mỹ.	14/4	Mỹ không áp thuế đối với smart phones, máy tính và chất bán dẫn (chuyển sang dạng thuế khác)...
1/3	TT Trump yêu cầu Bộ TM Mỹ điều tra việc nhập khẩu gỗ và ván ép có nguy cơ an ninh quốc gia?	14/4	TQ yêu cầu các hãng không dừng mua máy bay, phụ kiện Boeing
4/3	Thêm 10% đối với hàng hóa NK từ Trung Quốc hiệu lực từ 4/3/2025; chính thức áp thuế đ/v Canada và Mexico	15/4	Mỹ tuyên bố áp thuế 245% lên 1 số hàng hóa từ TQ.

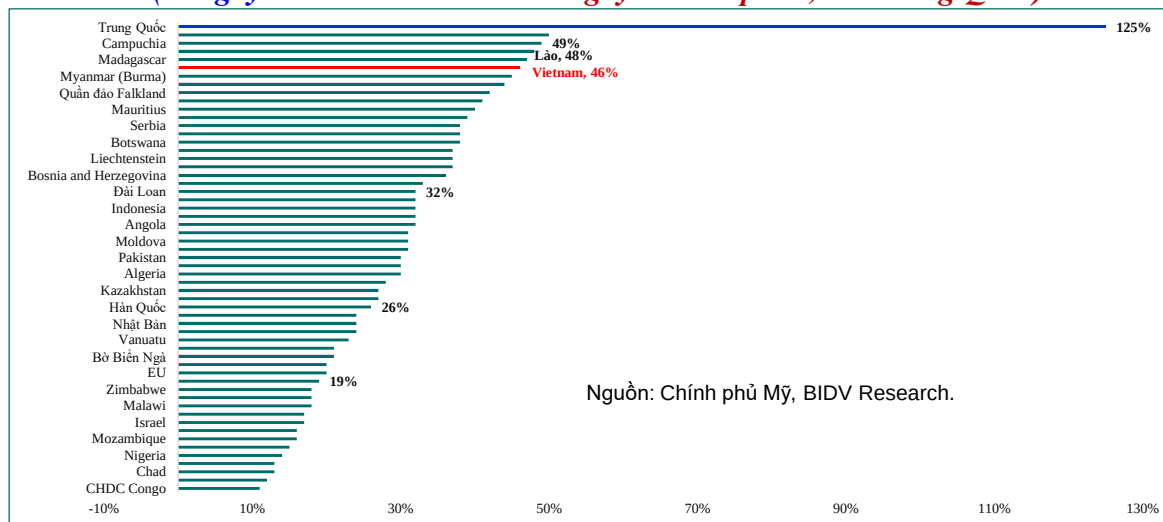
Nguồn: Nhà Trắng, Tác giả thu thập.

18/4/2025

TS.CV Lược/Kite VN 2025-2026

Nguồn: BIDV Research.

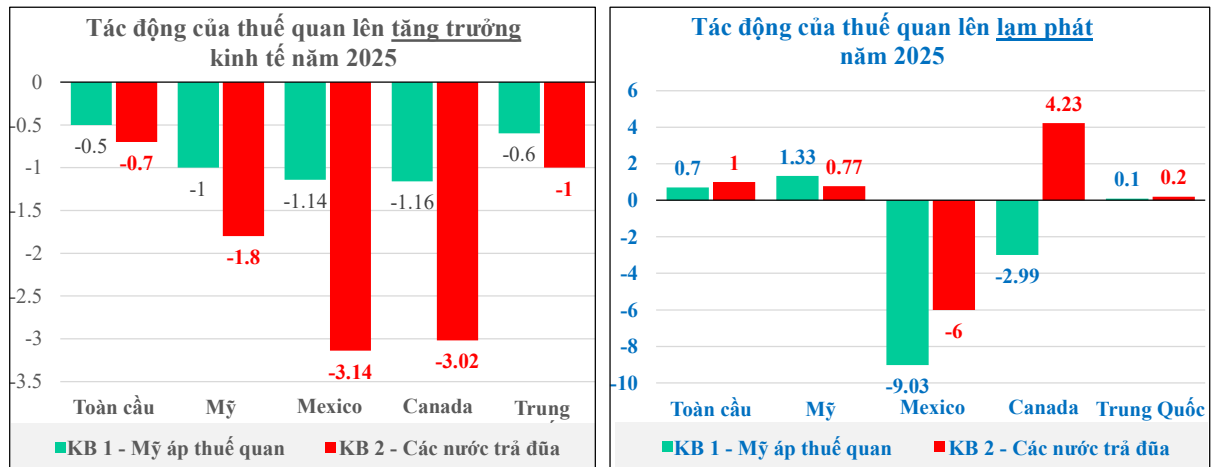
H.17: Mức thuế đối ứng Mỹ dự kiến áp dụng đối với 59 nước (từ ngày 9/4/2025 – đã hoãn 90 ngày để đàm phán, trừ Trung Quốc)



Nguồn: Chính phủ Mỹ, BIDV Research.

18/4/2025

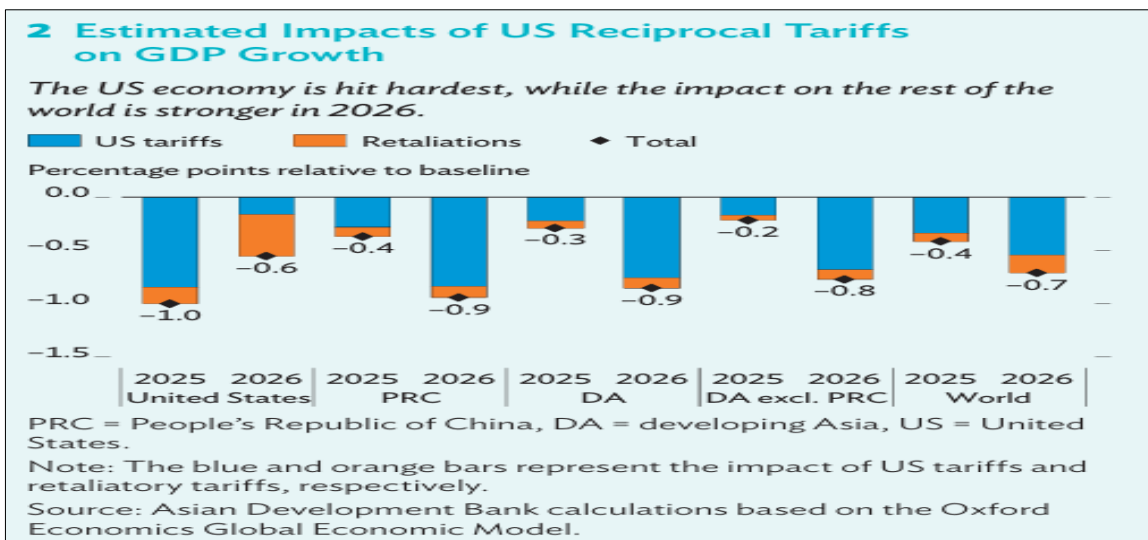
H.18: Dự báo tác động của chính sách thuế của Mỹ đối với tăng trưởng và lạm phát toàn cầu (điểm %)



Nguồn: BIDV Research tổng hợp. Những tác động khác như nêu tại **Bảng 4**.

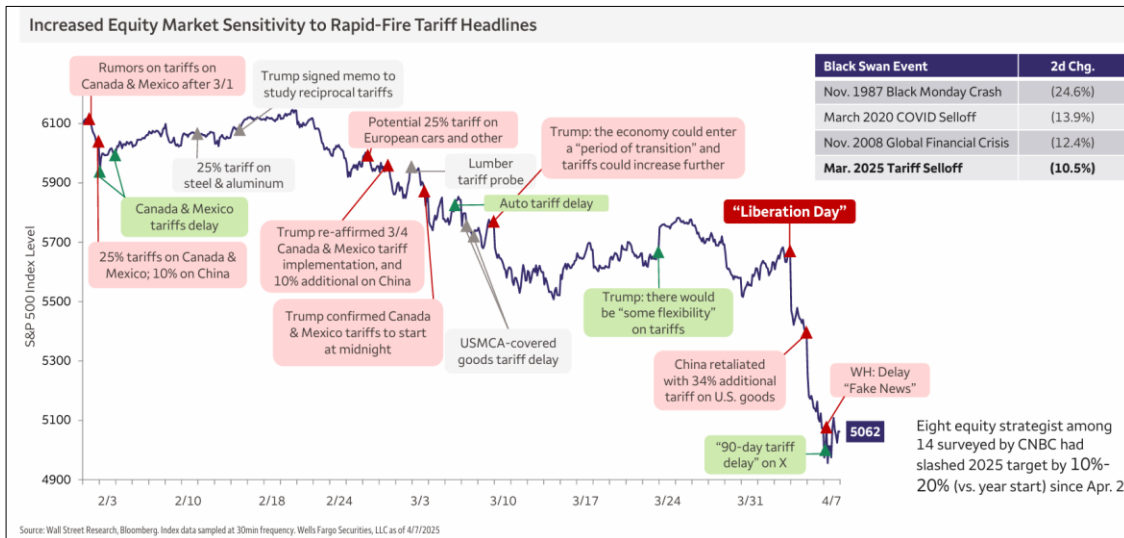
18/4/2025

H.19: Mỹ cũng sẽ chịu tác động tiêu cực khá nhiều (điểm %)



18/4/2025

H.20: TTCK Mỹ cũng chịu ảnh hưởng nhiều (chỉ số S & P 500)



Bảng 4: Tóm tắt tác động của các chính sách đối ngoại, kinh tế của TT D. Trump đối với nền kinh tế Việt Nam

Tích cực	Tiêu cực
- Chính sách giảm thuế và tăng đầu tư hạ tầng, năng lượng, quân sự... → kích cầu đầu tư, tiêu dùng Mỹ → tăng nhu cầu hàng hóa, dịch vụ XK từ VN; - Chiến tranh thương mại – công nghệ gia tăng → tiếp tục xu hướng dịch chuyển <u>1 phần</u> dòng vốn đầu tư, chuỗi cung ứng (Việt Nam có lợi thế thu hút nếu thuế đối ứng thấp); - Nói lỏng xuất khẩu sản phẩm dầu khí, LNG, yêu cầu về xanh hóa.../ → VN có thể nhập khẩu LNG, DN Việt có lộ trình đáp ứng yêu cầu xanh hóa.	- Chiến tranh thương mại – công nghệ, làm tăng lạm phát Mỹ và toàn cầu, khiến Fed và NHTW các nước trì hoãn giảm lãi suất → tăng áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá và dịch chuyển vốn đầu tư gián tiếp tại các nước mới nổi (có VN); - Tăng bảo hộ thương mại, áp thuế quan, điều tra, kiện bán phá giá, xuất xứ, trung chuyển... → tác động tiêu đến ngoại thương toàn cầu và Việt Nam; - Rủi ro bị gán mác “thao túng tiền tệ” tăng, chịu áp lực giải trình, thay đổi chính sách và bị áp thuế cao hơn...v.v. - Kiểm soát nhập cư → tác động đến du lịch, du học của Việt Nam.

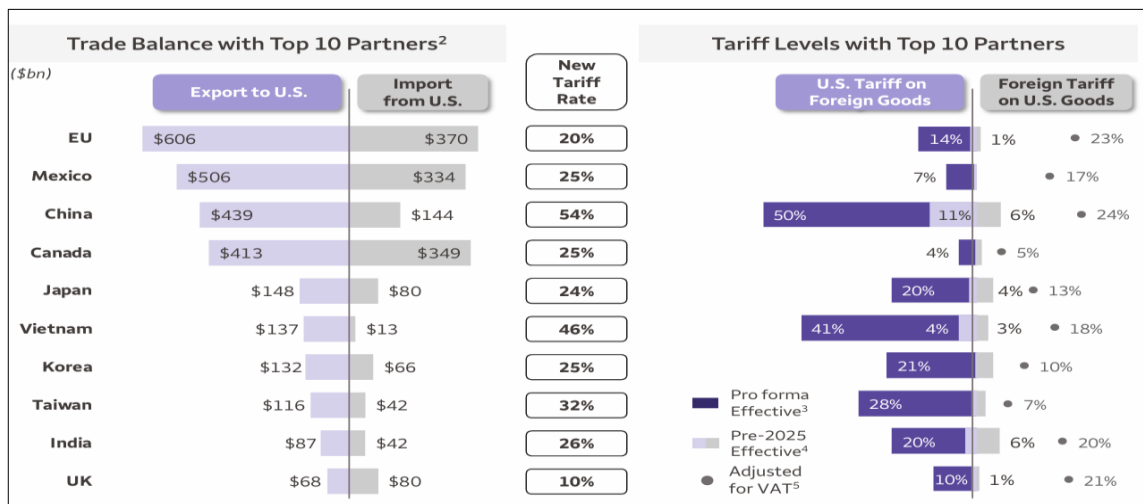
Nguồn: BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV Lược/Kte VN 2025-2026

28

H.21: Thặng dư thương mại và thuế đối ứng với Mỹ



Nguồn: Wells Fargo 4-2025.

18/4/2025

TS.CV Lục/Kie VN 2025-2026

29

Tác động đối với Việt Nam trong thương mại, đầu tư

• Cơ hội:

- ✓ Có thể mở rộng xuất khẩu sang Mỹ hay các nền kinh tế khác khi họ tìm nguồn thay thế;
- ✓ Có 1 số cơ hội từ xu hướng dịch chuyển đầu tư, chuỗi cung ứng (**phụ thuộc vào mức thuế đối ứng đối với Việt Nam**)
- ✓ DN phải đa dạng hóa, tăng nội lực và đáp ứng các tiêu chuẩn mới → tăng sức chống chịu, tự cường.

• Thách thức:

- ✓ **Xuất khẩu có thể giảm** do nhu cầu yếu đi; FDI (kể cả từ Mỹ) bị ảnh hưởng vì tâm lý nhà đầu tư, rủi ro chính sách toàn cầu và chính sách khuyến khích sản xuất tại Mỹ;
- ✓ Xu hướng tăng bảo hộ thương mại, kiểm soát XK và điều tra (trốn thuế, nguồn gốc xuất xứ, trung chuyển...)
→ **rủi ro bị áp thuế đối ứng và hạn chế xuất khẩu công nghệ cao...!**
- ✓ **Cạnh tranh với hàng hóa từ các nước khác xuất khẩu sang Việt Nam (do thừa cung, nhất là từ TQ);**
- ✓ Chi phí logistics, rủi ro lãi suất và tỷ giá tăng...v.v.
- ✓ **Kịch bản cơ sở: Mỹ áp thuế đối ứng (giả sử bình quân khoảng 20-25%) lên hàng hóa Việt Nam XK sang Mỹ, ước tính giá trị phải trả thêm khoảng 55 tỷ USD/năm; nếu Việt Nam giảm thuế (xuống 0%) cho hàng Mỹ, tổn thất giảm thu thuế ước tính vào khoảng 1,2 tỷ USD.**

18/4/2025

TS.CV Lục/Kie VN 2025-2026

30

Bảng 5: Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam với chính sách thuế quan mới của Mỹ

CHỈ TIÊU	KB1 (cơ sở)	KB2 (tiêu cực)	KB3 (tích cực, phần đầu)
Xác suất xảy ra	60%	20%	20%
Giả định	Việt Nam đàm phán với Mỹ để giảm mức thuế đối ứng xuống khoảng 20-25% (so với mức 46% ban đầu), <u>hiệu lực từ 9/7/2025 trong vòng 1 năm hoặc sớm hơn</u> . Sau đó, tiếp tục đàm phán giảm mức thuế thấp hơn.	Sau 90 ngày kể từ 9/4/2025, Việt Nam không đạt nhiều tiến triển trong đàm phán thương mại với Mỹ, chịu mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa từ Việt Nam sang Mỹ, từ đầu tháng 7/2025.	Việt Nam chỉ bị áp thuế 10% hiện nay đối với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, tương tự như 126 nước khác.
Xuất khẩu	Giảm 6-7,5 tỷ USD (hay 1,2-1,5%) so với KB thông thường	Giảm 22-24 tỷ USD (hay 5,5-6%) so với KB thông thường	Ảnh hưởng không đáng kể
Vốn FDI thực hiện	Giảm 3 - 5 %	Giảm 6 - 8 %	Ảnh hưởng không đáng kể
Tăng trưởng GDP	6,5 - 7%	5,5 - 6%	7,5 - 8%
Lạm phát (CPI bq)	4 - 4,5%	5%	3,5 - 4%

Nguồn: Dự báo của BIDV Research.

18/4/2025

TS.CV Lược/Thuế quan Mỹ và DN

31

Bảng 6: Tác động đối với các mặt hàng XK chủ lực của Việt Nam vào Mỹ (số liệu năm 2024; kịch bản cơ sở - thuế đối ứng 25%)

	Hàng hóa	Kim ngạch XK (tỷ USD)	Tỷ trọng/ tổng XK sang Mỹ (%)	Tăng trưởng 2024/2023 (% Yo Y)	Thuế suất TB của Mỹ trước 5/4/2025 (%)	Dự báo tác động của thuế đối ứng với xuất khẩu ngành 2025 (tỷ USD) (%) KN XK ngành)
	Tổng KN XK hàng hóa VN sang Mỹ 2024	119,50		23,18	3,3%	
I	Các ngành XK chủ lực sang Mỹ					
	KN XK mặt hàng chủ lực của VN sang Mỹ 2024	101,19	88,7%			Giảm 6-7,5 tỷ USD
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	23,20	19,42	36,33	1,51	Giảm 1,4 tỷ USD (-2,4%)
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	22,05	18,45	21,16	1,41	Giảm 1,3 tỷ USD (-3%)
3	Hàng dệt, may	16,15	13,52	11,66	9,80	Giảm 0,9 tỷ USD (-2,8%)
4	Điện thoại các loại, linh kiện	9,82	8,22	24,28	1,51	Giảm 0,6 tỷ USD (-1,1%)
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	9,06	7,58	23,98	2,32	Giảm 0,5 tỷ USD (-3,9%)
6	Giày dép các loại	8,28	6,93	15,67	15,51	Giảm 0,5 tỷ USD (-2,4%)
7	Phương tiện VT & phụ tùng	3,27	2,74	13,56	3,10	Giảm 0,2 tỷ USD (-1,4%)
8	Sản phẩm từ chất dẻo	3,08	2,58	42,43	4,56	Giảm 0,2 tỷ USD (-3,5%)
9	Hàng thủy sản	1,83	1,53	17,60	0,69	Giảm 0,28-0,33 tỷ USD (15-18%)
10	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	1,80	1,51	17,59	4,85	Giảm 0,1 tỷ USD (-2,8%)
11	Sắt thép, sản phẩm từ sắt thép	2,65	2,22	31,86	25	Tác động tiêu cực, đặc biệt là thép mạ (chiếm 14,6% giá trị XK thép của VN).
II	Các ngành hỗ trợ XK					
12	Logistics	Tác động tiêu cực gián tiếp từ sụt giảm của hoạt động XNK, làm giảm nhu cầu vận chuyển cả XNK và nội địa				
13	BDS Khu CN	Tác động tiêu cực chủ yếu do các DN, đặc biệt là FDI tạm dừng mở rộng sản xuất tại Việt Nam, thu hút vốn FDI mới khó khăn hơn.				

Nguồn: Cục Hải quan, World Bank, dự báo của BIDV Research.

18/4/2025

4. Gợi ý giải pháp đối với Chính phủ và doanh nghiệp

1. Đối với Chính phủ, cơ quan quản lý:

- ✓ Kiên định, chú trọng hơn nữa các biện pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác cùng có lợi với Mỹ; tăng cường **đối thoại, đàm phán** qua các kênh;
- ✓ **Sớm triển khai các giải pháp cụ thể nhằm cân bằng thương mại hơn với Mỹ:** (i) tăng nhập khẩu từ Mỹ; (ii) tiếp tục giảm thuế đối ứng đối với hàng NK từ Mỹ....;
- ✓ **Chủ động sớm giải quyết kịp thời, hợp lý các quan ngại, vướng mắc mà phía Mỹ quan tâm;**
- ✓ Có phương án **đàm phán nhanh, hiệu quả**, với những cam kết, giải pháp và lộ trình cụ thể để **đạt được** **kịch bản thuế suất thấp hơn (20-25%?)** → **vai trò của Tổ công tác là quan trọng!** Thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận;
- ✓ Có chính sách **hỗ trợ DN, ngành hàng** bị ảnh hưởng tiêu cực từ chính sách thuế quan mới của Mỹ; **kích cầu đầu tư – tiêu dùng trong nước; giữ mặt trận xuất khẩu;**
- ✓ **Cơ cấu lại nền kinh tế, tăng nội lực, tính tự chủ, tự lực, tự cường; tập trung vào các động lực tăng trưởng khác (đầu tư, tiêu dùng...) và các động lực tăng trưởng mới;**
- ✓ Quyết tâm, kiên định **thực hiện thành công** công cuộc “đột phá về thể chế, Tinh gọn tổ chức – bộ máy, điều chỉnh địa giới hành chính mô hình 3 cấp; quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh”.

18/4/2025

TS.CV Lược/Kte VN 2025-2026

33

Giải pháp đối với doanh nghiệp Việt

- Tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lãi suất...; tiết giảm chi phí, tinh giản quy trình, bộ máy;
- **Nắm bắt các xu hướng lớn: chuyển đổi kép “xanh hóa và số hóa” → xây dựng và nhất quán thực hiện chiến lược chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và ESG;**
- **Đa dạng hóa:** thị trường, đối tác, chuỗi cung ứng, sản phẩm – dịch vụ, nguồn vốn khả thi cho chuyển đổi xanh, kinh doanh tuần hoàn, tham gia thị trường tín chỉ carbon;
- **Nâng cao năng lực cạnh tranh (nhân lực, công nghệ, quản trị), gồm cả quản lý rủi ro, nhất là rủi ro tài chính, tỷ giá, pháp lý; minh bạch xuất xứ hàng hóa, mức độ trung chuyển, gian lận thương mại; đáp ứng yêu cầu xanh hóa, tiêu chuẩn môi trường....v.v.**
- Tận dụng cơ hội từ các FTA thế hệ mới và từ việc nâng cấp quan hệ Việt Nam với Mỹ, Nhật Bản, Úc, Malaysia, NZ, Singapore....;
- **Slogan 2025 - 2026: “Tâm thế mới, Vận hội mới”?**
- **Làm gì để đóng góp cho việc hiện thực hóa kỷ nguyên mới?**

18/4/2025

TS.CV Lược/Kte VN 2025-2026

34